

BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,

Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

01 - 02

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

03 - 04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

05 - 06

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

07

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

08

Thuyết minh báo cáo tài chính

09 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Trung Đường	Chủ tịch
Ông Đặng Quốc Chính	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên
Ông Lê Quang Thanh Liêm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Nam Hải	Trưởng ban
Bà Đặng Quỳnh Như	Thành viên
Ông Nguyễn Võ Lê Huy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bùi Trung Đường	Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuyên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Bùi Trung Đường
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 501...Quyển số: I...SCT/BS

Ngày: 28...tháng: 01...năm 2019...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT



Dặng Quang Cảnh

Số: 17.386/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Handwritten signature

Huỳnh Thị Ngọc Trinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 501.....Quyển số: I.....SCT/BS

Ngày: 28...tháng 01...năm 2019.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT



Đặng Quang Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 8 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.676.184.211	51.834.945.072
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	37.484.014.659	36.811.239.602
1. Tiền	111		1.784.014.659	856.578.991
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.700.000.000	35.954.660.611
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	20.000.000.000	205.200.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	205.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.407.772.897	12.544.189.389
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	3.969.787.670	11.208.226.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	1.708.853.324	1.015.106.324
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	728.557.709	657.463.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.6)	(999.425.806)	(336.606.953)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.7)	784.396.655	2.204.306.581
1. Hàng tồn kho	141		784.396.655	2.204.306.581
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			70.009.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			70.009.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.281.161.322	31.426.537.771
I. Tài sản cố định	220		26.305.520.574	22.384.083.459
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	26.216.520.574	22.384.083.459
Nguyên giá	222		44.796.818.760	37.363.064.181
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.580.298.186)	(14.978.980.722)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)	89.000.000	
Nguyên giá	228		102.000.000	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.000.000)	
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.10)	441.561.059	3.022.909.791
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		441.561.059	3.022.909.791
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	998.178.632	1.388.342.240
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.388.342.240	1.388.342.240
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(390.163.608)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.535.901.057	4.631.202.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.11)	3.731.541.824	4.631.202.281
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(6.9)	804.359.233	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		95.957.345.533	83.261.482.843

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 8 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.502.409.070	22.937.630.550
I. Nợ ngắn hạn	310		24.394.440.801	22.148.144.097
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	1.238.684.351	2.979.616.505
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.13)	3.884.041.271	65.107.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.14)	5.992.299.914	4.017.175.554
4. Phải trả người lao động	314	(5.15)	9.079.708.371	10.053.017.015
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(5.16)	119.265.758	458.245.418
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.17)	1.530.288.966	655.949.849
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.695.993	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.18)	2.542.456.177	3.919.032.493
II. Nợ dài hạn	330		1.107.968.269	789.486.453
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.16)	118.072.726	147.590.910
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.17)	368.000.000	20.000.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		621.895.543	621.895.543
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.454.936.463	60.323.852.293
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.19.1)	70.441.336.463	60.451.156.932
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.19.2)	56.143.000.000	56.143.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		646.223.540	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.652.112.923	4.308.156.932
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a			4.308.156.932
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.652.112.923	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13.600.000	(127.304.639)
1. Nguồn kinh phí	431			(140.904.639)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		13.600.000	13.600.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		95.957.345.533	83.261.482.843

Bùi Trung Đường
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Lê Quang Thanh Liêm
Kế toán trưởngĐặng Quỳnh Như
Người lập

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 501... Quyển số: I... SCT/BS

Ngày: 28... tháng... 01... năm 2019.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT



Đặng Quang Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 8 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

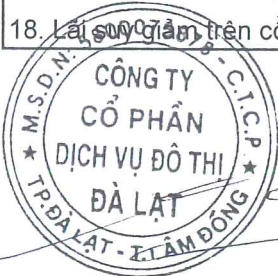
Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		105.538.106.059	45.674.873.844
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		367.793.197	456.287.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	105.170.312.862	45.218.586.355
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	76.560.303.780	35.084.098.840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.610.009.082	10.134.487.515
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.410.300.764	688.124.692
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	390.163.608	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.5)	14.621.152.617	5.706.300.484
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.008.993.621	5.116.311.723
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	1.198.973.549	415.901.780
12. Chi phí khác	32		214.309.826	
13. Lợi nhuận khác	40		984.663.723	415.901.780
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.993.657.344	5.532.213.503
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	4.145.903.654	1.224.056.571
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.9)	(804.359.233)	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.652.112.923	4.308.156.932
17. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.19.4)	2.417	615
18. Lãi sau thuế trên cổ phần	71	(5.19.4)	2.417	615



Bùi Trung Đường
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Lê Quang Thanh Liêm
Kế toán trưởng

Đặng Quỳnh Như
Người lập

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 5.01.....Quyển số: I.....SCT/BS

Ngày: 22...tháng...01...năm 2019..

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT



Đặng Quang Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 8 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.993.657.344	5.532.213.503
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(6.7)	4.024.385.031	1.593.149.169
Các khoản dự phòng	03		1.060.678.454	336.606.953
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.3)	(2.410.300.764)	(688.124.692)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.668.420.065	6.773.844.933
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.146.655.972	6.149.130.378
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.419.909.926	(189.470.563)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.724.250.099	(3.153.129.742)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		969.669.957	951.689.138
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.14)	(5.873.911.863)	(1.308.719.945)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.090.455.126)	(5.159.632.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.964.539.030	4.063.711.981
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.965.556.404)	(7.227.439.616)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(338.607.604.224)	(205.200.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		318.812.804.224	15.507.428.750
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.275.742.431	688.124.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.484.613.973)	8.762.913.826
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.807.150.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.807.150.000)	
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		672.775.057	12.826.625.807
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		36.811.239.602	23.984.613.795
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		37.484.014.659	36.811.239.602



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 501... Quyền số: I... SCT/BS
Ngày: 28... tháng... 01... năm 2019.

CHỦ NCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Bùi Trung Đường
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Lê Quang Thanh Liêm
Kế toán trưởng

Đặng Quang Cảnh

Đặng Quỳnh Như
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Thành phố Đà Lạt - doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng. Ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt theo Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800075878 ngày 30 tháng 06 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 55.279.150.000 VND. Vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 56.143.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	41.426.000.000	73,79%	41.426.000.000	73,79%
Công ty Cổ phần				
Du Lịch Lâm Đồng	8.250.000.000	14,69%	8.250.000.000	14,69%
Cổ đông khác	6.467.000.000	11,52%	6.467.000.000	11,52%
Cộng	56.143.000.000	100,00%	56.143.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 398 (01/01/2016: 387).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ công ích.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt, rác thải y tế;
- Quản lý, bảo vệ và vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Quản lý, bảo vệ chăm sóc cây hoa, cây xanh công viên;
- Duy tu, sửa chữa nâng cấp đường đô thị;
- Quản lý, bảo vệ hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ;
- Các dịch vụ kinh doanh về vệ sinh môi trường, trồng chăm sóc, kinh doanh hoa, cây cảnh, cây xanh đường phố, công viên;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Khảo sát, tư vấn, thiết kế và thi công công trình dân dụng, giao thông, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, công viên cây xanh. Kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Giám sát thi công, quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, cho thuê mặt bằng kinh doanh, bãi giữ xe;
- Tổ chức sự kiện

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

4.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2016

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
▪ Tài sản cố định khác	05 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 05 năm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; giá trị lợi thế kinh doanh; chi phí sửa chữa;... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ trong 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

4.12. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh và công cụ dụng cụ sau khi xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí tiếp khách, chi phí tham quan du lịch...).

4.16. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| ▪ Dịch vụ tang lễ; chăm sóc cây hoa, cây xanh công viên; chiếu sáng công cộng | Không chịu thuế |
| ▪ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt, rác thải y tế; dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, cho thuê mặt bằng kinh doanh; đầu tư xây dựng cơ bản và các dịch vụ khác | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	35.813.500	139.928.934
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.748.201.159	716.650.057
Các khoản tương đương tiền	35.700.000.000	35.954.660.611
Cộng	37.484.014.659	36.811.239.602

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi tiết kiệm	20.000.000.000	20.000.000.000	205.200.000	205.200.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	205.200.000	205.200.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng với lãi suất 5,3%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Trung tâm vui chơi giải trí Đà Lạt	1.388.342.240	-	390.163.608	1.388.342.240	-	-
Cộng	1.388.342.240	-	390.163.608	1.388.342.240	-	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư góp vốn vào Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt với tỷ lệ vốn góp là 20%. Ngày 01 tháng 10 năm 2013 Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1964/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt. Đến ngày phát hành báo cáo, Công ty và bên đầu tư đang thực hiện các thủ tục thanh lý dự án đầu tư và giải thể Khu vui chơi, giải trí Đà Lạt.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phòng Tài chính Kế hoạch Đà Lạt	-	6.782.782.579
Kho bạc Nhà nước Tỉnh Lâm Đồng	2.640.413.405	3.065.905.590
Các khách hàng khác	1.329.374.265	1.359.537.963
Cộng	3.969.787.670	11.208.226.132

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Thương Mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	538.500.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Tín Đạt	305.176.500	105.176.500
Cơ sở Tuấn Minh Đà Lạt	-	133.000.000
Nhóm họa sĩ hội văn hóa nghệ thuật Lâm Đồng - Vi Quốc Hiệp	-	124.620.000
Trả trước cho người bán khác	865.176.824	652.309.824
Cộng	1.708.853.324	1.015.106.324

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	486.650.336	178.499.896	467.650.895	59.499.966
Lãi tiền gửi dự thu	134.558.333	-	-	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	10.717.000	-	62.275.893	-
Phải thu khác	72.806.040	19.336.750	103.711.098	6.445.584
Phải thu khác các bên liên quan - Xem thêm mục 7	23.826.000	-	23.826.000	-
Cộng	728.557.709	197.836.646	657.463.886	65.945.550

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.233.819.843	493.527.931	1.251.144.945	1.000.915.956
Tổng giá trị các khoản ứng trước quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	431.889.824	172.755.930	431.889.824	345.511.860
Cộng	<u>1.665.709.667</u>	<u>666.283.861</u>	<u>1.683.034.769</u>	<u>1.346.427.816</u>

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu và các khoản ứng trước cho người bán quá hạn là thấp vì những khoản nợ này là của các đối tượng đã quá hạn thanh toán trên 10 năm và việc thu hồi khó khăn.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, các khoản ứng trước quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Khai thác chế biến lâm sản	170.573.500	68.229.400	Trên 10 năm	170.573.500	136.458.800	Trên 10 năm
Tôn Thất Chiến	125.142.044	50.056.818	Trên 10 năm	125.142.044	100.113.636	Trên 10 năm
Công ty Hùng Vương	112.107.451	44.842.980	Trên 10 năm	112.107.451	89.685.960	Trên 10 năm
Các khách hàng khác	1.257.886.672	503.154.663	Trên 10 năm	1.275.211.774	1.020.169.420	Trên 10 năm
Cộng	<u>1.665.709.667</u>	<u>666.283.861</u>		<u>1.683.034.769</u>	<u>1.346.427.816</u>	

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	597.695.285	-	1.237.814.239	-
Công cụ, dụng cụ	102.918.893	-	125.558.592	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.822.636	-	812.955.576	-
Thành phẩm	10.959.841	-	27.978.174	-
Cộng	<u>784.396.655</u>	<u>-</u>	<u>2.204.306.581</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2016	8.657.653.585	5.002.138.918	22.504.172.727	157.894.000	1.041.204.951	37.363.064.181	
Đầu tư XD CB hoàn thành	3.878.247.375	898.430.000	2.450.936.364	-	266.140.840	7.493.754.579	
Giảm khác	-	-	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)	
Tại ngày 31/12/2016	12.535.900.960	5.900.568.918	24.955.109.091	97.894.000	1.307.345.791	44.796.818.760	
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2016	3.213.899.665	2.326.547.910	9.244.355.490	3.580.682	190.596.975	14.978.980.722	
Khấu hao trong năm	348.662.891	542.548.873	2.491.484.145	16.831.560	202.789.995	3.602.317.464	
Giảm khác	-	-	-	(1.000.000)	-	(1.000.000)	
Tại ngày 31/12/2016	3.562.562.556	2.869.096.783	11.735.839.635	19.412.242	393.386.970	18.580.298.186	
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2016	5.443.753.920	2.675.591.008	13.259.817.237	154.313.318	850.607.976	22.384.083.459	
Tại ngày 31/12/2016	8.973.338.404	3.031.472.135	13.219.269.456	78.481.758	913.958.821	26.216.520.574	

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 485.390.909 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Mua trong năm	42.000.000
Tăng khác	60.000.000
Tại ngày 31/12/2016	102.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Khấu hao trong năm	12.000.000
Tăng khác	1.000.000
Tại ngày 31/12/2016	13.000.000
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Tại ngày 31/12/2016	89.000.000

5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
Công trình xây dựng văn phòng mới tại Số 06 Phạm Ngũ Lão, Phường 3, TP.Đà Lạt	-	2.689.190.000
Công trình vườn ươm Cam Ly - Phường 5	257.566.450	149.725.182
Công trình vườn ươm Phước Thành - Phường 7	183.994.609	183.994.609
Cộng	441.561.059	3.022.909.791

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ	1.784.542.439	2.974.237.398
Giá trị lợi thế kinh doanh	994.178.931	1.656.964.883
Chi phí nạo vét hồ cảnh Vườn hoa Thành phố	851.563.636	-
Khác	101.256.818	-
Cộng	3.731.541.824	4.631.202.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12. Phải trả ngắn hạn người bán

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hưng Nguyên	300.115.000	300.115.000	489.689.000	489.689.000
Công ty TNHH Thông Nữ	122.367.000	122.367.000	16.381.000	16.381.000
Công ty Tỉnh Giang	-	-	401.315.000	401.315.000
Công ty TNHH Mai Thanh Tân	-	-	354.822.010	354.822.010
Phải trả cho các đối tượng khác	816.202.351	816.202.351	1.717.409.495	1.717.409.495
Cộng	1.238.684.351	1.238.684.351	2.979.616.505	2.979.616.505

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phòng Tài chính Kế hoạch Đà Lạt	3.838.934.008	-
Khác	45.107.263	65.107.263
Cộng	3.884.041.271	65.107.263

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.189.213.941	6.653.078.276	(6.668.400.694)	1.173.891.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.073.737.772	4.145.903.654	(5.873.911.863)	345.729.563
Thuế thu nhập cá nhân	14.700.475	187.369.364	(199.025.839)	3.044.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	731.693.834	5.742.530.142	(2.719.429.440)	3.754.794.536
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí	7.829.532	10.864.448.260	(10.157.437.500)	714.840.292
Cộng	4.017.175.554	27.597.329.696	(25.622.205.336)	5.992.299.914

5.15. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho người lao động.

Quỹ lương được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

5.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản tiền nhận trước về thu gom, vận chuyển xử lý rác thải y tế; cho thuê mặt bằng bến thuyền Hồ Xuân Hương.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản tiền nhận trước về cho thuê mặt bằng kinh doanh dịch vụ tại vườn hoa thành phố với thời hạn cho thuê là 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.17. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	87.978.980	-
Nhận ký quỹ, ký cược	219.200.000	96.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.003.523.141	474.949.849
Phải trả khác các bên liên quan - Xem thêm mục 7	219.586.845	85.000.000
Cộng	1.530.288.966	655.949.849
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	368.000.000	20.000.000
Cộng	368.000.000	20.000.000

5.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	3.919.032.493	9.041.822.993
Trích lập trong năm	854.783.392	-
Sử dụng trong năm	(2.231.359.708)	(5.122.790.500)
Số dư tại ngày 31/12/2016	2.542.456.177	3.919.032.493

5.19. Vốn chủ sở hữu**5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015	41.426.000.000	-	-	41.426.000.000
Tăng vốn trong năm trước	14.717.000.000	-	-	14.717.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	4.308.156.932	4.308.156.932
Tại ngày 01/01/2016	56.143.000.000	-	4.308.156.932	60.451.156.932
Lãi trong năm nay	-	-	13.652.112.923	13.652.112.923
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	646.223.540	(646.223.540)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(854.783.392)	(854.783.392)
Chia cổ tức	-	-	(2.807.150.000)	(2.807.150.000)
Tại ngày 31/12/2016	56.143.000.000	646.223.540	13.652.112.923	70.441.336.463

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	41.426.000.000	41.426.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Lâm Đồng	8.250.000.000	8.250.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.467.000.000	6.467.000.000
Cộng	56.143.000.000	56.143.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800075878 ngày 30 tháng 06 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 55.279.150.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn thực góp của các cổ đông là 56.143.000.000 VND. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi nhằm điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty cho phù hợp với vốn góp thực tế của các cổ đông.

5.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.614.300	5.614.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.614.300	5.614.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.614.300	5.614.300

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.652.112.923	4.308.156.932
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(854.783.392)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.652.112.923	3.453.373.540
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.614.300	5.614.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.417	615

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính sẽ trích trong năm 2016.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Doanh thu vé cổng vườn hoa thành phố	28.883.931.811	11.181.290.910
Doanh thu dịch vụ vệ sinh môi trường	25.551.818.182	12.904.545.455
Doanh thu chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	16.878.560.328	8.312.238.081
Duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	5.295.479.003	2.112.186.901
Doanh thu khác	28.928.316.735	11.164.612.497
Các khoản giảm trừ doanh thu	(367.793.197)	(456.287.489)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.170.312.862	45.218.586.355

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Giá vốn vé cổng vườn hoa thành phố	24.906.067.116	10.378.366.217
Giá vốn dịch vụ vệ sinh môi trường	17.248.930.369	9.408.440.108
Giá vốn chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	9.968.100.915	5.495.715.725
Giá vốn duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	4.531.144.695	1.756.556.786
Giá vốn Khác	19.906.060.685	8.045.020.004
Cộng	76.560.303.780	35.084.098.840

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm.

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho khoản đầu tư góp vốn vào Trung tâm vui chơi giải trí Đà Lạt.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.003.972.189	3.951.209.659
Chi phí vật liệu quản lý	104.700.000	6.267.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	455.851.364	162.464.147
Chi phí dự phòng	662.818.853	336.606.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	439.926.147	261.110.683
Chi phí bằng tiền khác	3.953.884.064	988.641.807
<i>Chi phí tiếp khách</i>	<i>851.627.481</i>	<i>294.970.274</i>
<i>Chi phí tham quan, nghỉ dưỡng</i>	<i>787.745.454</i>	<i>-</i>
<i>Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh và công cụ dụng cụ sau khi xác định giá trị doanh nghiệp</i>	<i>758.380.256</i>	<i>379.190.128</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>1.556.130.873</i>	<i>314.481.405</i>
Cộng	<u>14.621.152.617</u>	<u>5.706.300.484</u>

6.6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Thu tiền hỗ trợ bồi thường di dời cây xanh vườn ươm Trần Phú	812.640.000	384.867.000
Thu tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng đường Trần Quốc Toản	299.834.000	-
Thu nhập khác	86.499.549	31.034.780
Cộng	<u>1.198.973.549</u>	<u>415.901.780</u>

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.758.089.527	7.355.727.566
Chi phí nhân công	46.306.538.222	22.005.311.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.024.385.031	1.593.149.169
Chi phí dự phòng	670.514.846	336.606.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.036.516.059	1.736.797.013
Chi phí khác bằng tiền	17.645.279.772	8.041.919.562
Cộng	<u>90.441.323.457</u>	<u>41.069.511.847</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.145.903.654	1.224.056.571
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.145.903.654	1.224.056.571

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	16.993.657.344	5.532.213.503
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.299.405.447	31.680.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(563.544.521)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	20.729.518.270	5.563.893.503
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.145.903.654	1.224.056.571

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chênh lệch tạm thời được khấu trừ VND	Thuế suất thuế TNDN %	Bảng cân đối kế toán Tại ngày 31/12/2016 VND	Báo cáo KQHĐKD Năm 2016 VND
Tiền thuê đất năm 2013 (đang chờ miễn giảm)	3.631.632.558	20%	726.326.512	(726.326.512)
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Trung tâm vui chơi giải trí Đà Lạt	390.163.608	20%	78.032.721	(78.032.721)
Tổng cộng	4.021.796.166		804.359.233	(804.359.233)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠTĐịa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Trung tâm vui chơi Giải trí Đà Lạt
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên doanh
Nhân viên quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.5: Trung tâm Vui chơi Giải trí	23.826.000	23.826.000
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.17: Trung tâm Vui chơi Giải trí	(219.586.845)	(85.000.000)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	204.000.000	120.480.000
Lương Ban Giám đốc	1.836.000.000	747.517.500
Cộng	2.040.000.000	867.997.500

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	100.320.000	32.300.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty chính thức được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Thành phố Đà Lạt thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô Thị Đà Lạt, báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Những thông tin kỳ trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng với số liệu của báo cáo tài chính của kỳ trước cho giai đoạn từ ngày 30/06/2015 đến ngày 31/12/2015. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND (Được báo cáo lại)	Từ 30/06/2015 đến 31/12/2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	615	767

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08 Phạm Ngũ Lão, Phường 3,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Bùi Trung Đường
Giám đốc

Lê Quang Thanh Liêm
Kế toán trưởng

Đặng Quỳnh Như
Người lập

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 501... Quyển số: I... SCT/BS

Ngày 28... tháng 01... năm 2019..

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT



Đặng Quang Cảnh

